

Số: /KH-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 3 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025**

Triển khai thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030" và Công văn số 8425/BCT-XTTM ngày 28/12/2021 của Bộ Công Thương về việc xây dựng kế hoạch hành động thực hiện "Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030"; UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025, với những nội dung như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

a) Triển khai nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam.

b) Hỗ trợ các tổ chức xúc tiến thương mại và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao nhận thức và năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, thúc đẩy phát triển giao thương với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, đẩy mạnh kinh tế thương mại của tỉnh.

c) Các Sở, ngành, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại được triển khai đồng bộ, thiết thực và có hiệu quả.

### **2. Yêu cầu**

a) Bám sát các văn bản chỉ đạo, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh có liên quan đến việc đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa

bàn tỉnh. Các chương trình chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại phải xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; trong đó tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã; các sản phẩm tiềm năng có thể mạnh, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

b) Có sự phối hợp triển khai đồng bộ của các cấp, các ngành, các địa phương và sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả thiết thực cho Chương trình.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan xúc tiến thương mại, tổ chức hỗ trợ xúc tiến thương mại và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh... của tỉnh Quảng Nam trên cơ sở kết nối, đồng bộ với Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

b) Nâng cao nhận thức và năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, thúc đẩy phát triển, tìm kiếm các cơ hội thương mại trong và ngoài nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

a) Xây dựng, hoàn thành cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành xúc tiến thương mại và các ngành hàng thương mại và xuất khẩu trọng điểm của tỉnh vào Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

b) 100% tổ chức xúc tiến thương mại và 100% doanh nghiệp được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số và 20% trong số này có phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin.

c) 10% số lượng hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh được tổ chức trên môi trường số.

d) 100% các tổ chức xúc tiến thương mại; 100 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh và cán bộ các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố được tham gia tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ, cập nhật các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại và bảo đảm an toàn thông tin.

e) 100% các tổ chức xúc tiến thương mại và trên 100 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng, khai thác, vận hành các nền tảng dùng chung và chia sẻ dữ liệu với Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

f) 100% thủ tục hành chính lĩnh vực xúc tiến thương mại đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, 100% doanh nghiệp hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhiệm vụ, giải pháp năm 2022**

1.1. Tổ chức đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong Xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam:

Phối hợp Bộ Công Thương xây dựng các tiêu chí, xây dựng kế hoạch thuê chuyên gia đánh giá hiện trạng và năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong XTTM cho các tổ chức XTTM, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ đưa ra các giải pháp quản lý, các hoạt động hỗ trợ tham gia Hệ sinh thái XTTM số, các hoạt động ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động XTTM cho phù hợp với tình hình của tỉnh Quảng Nam.

1.2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ xúc tiến thương mại nhằm kết nối hiệu quả với Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số

a) Lập danh sách tổ chức xúc tiến thương mại và doanh nghiệp của tỉnh Quảng Nam có nhu cầu tham gia Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số; phối hợp Bộ Công Thương hướng dẫn tổ chức xúc tiến, doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký tài khoản sau khi Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số được xây dựng xong; tích hợp các cơ sở dữ liệu, thông tin về xúc tiến thương mại của tỉnh lên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số, hướng dẫn doanh nghiệp mở tài khoản, khai thác thông tin và chia sẻ dữ liệu.

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành XTTM, sử dụng nền tảng/phần mềm nhằm chứa dữ liệu, phục vụ hoạt động kết nối kinh doanh, tổ chức sự kiện, nghiên cứu thị trường, công tác báo cáo (báo cáo thị trường, ngành hàng, hoạt động). Cụ thể:

- Chuẩn hóa dữ liệu/Số hóa dữ liệu chuyên ngành XTTM (doanh nghiệp, ngành hàng, mạng lưới chuyên gia, dịch vụ hỗ trợ, sản phẩm...) trên địa bàn.

- Chuẩn hóa quy trình vận hành, giảm thiểu thao tác thủ công, báo cáo tức thời.

- Cung cấp thông tin xúc tiến giao thương trong và ngoài nước cho các doanh nghiệp nhanh chóng.

- Kết nối cơ hội kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong vấn đề xúc tiến thương mại, xuất nhập khẩu.

- Tham gia hiệu quả Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số với các dịch vụ đặc thù xúc tiến đầu ra cho sản phẩm (kết nối giao thương, bản đồ số, truy xuất nguồn gốc, cổng giao thương, hội chợ, triển lãm số...).

1.3. Nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại cho Sở, Ban, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để triển khai có hiệu quả Quyết định số 1968/QĐ-TTg.

a) Đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các tổ chức xúc tiến thương mại, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; cán bộ các sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tham gia các hội chợ thương mại trong môi trường số; hỗ trợ doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh tham gia.

c) Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại cho Sở, ban, ngành doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để triển khai có hiệu quả Quyết định 1968.

1.4. Nâng cao nhận thức về sự cần thiết đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại.

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương, hệ thống quản lý văn bản, Đài phát thanh truyền hình tỉnh, báo Quảng Nam,...

b) Tổ chức các hoạt động tập huấn, hướng dẫn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại cho cán bộ các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

## **2. Kế hoạch khung giai đoạn 2022 - 2025**

### **2.1. Tham gia hiệu quả Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số**

Phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn tổ chức xúc tiến, doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký tài khoản sau khi Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số được xây dựng xong, tích hợp các cơ sở dữ liệu, thông tin về xúc tiến thương mại của tỉnh lên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số, hướng dẫn doanh nghiệp mở tài khoản, khai thác thông tin và chia sẻ dữ liệu sau khi hoàn thành đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

### **2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách**

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại.

b) Rà soát, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính trong lĩnh vực xúc tiến thương mại để triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

### **2.3. Nâng cao nhận thức, năng lực**

a) Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự cần thiết đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại; phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức các hoạt động tập huấn, hướng dẫn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại; tổ chức các khóa đào tạo, tổ chức diễn tập và ứng cứu sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng.

2.4. Triển khai các sáng kiến nhằm thực hiện hiệu quả Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số: Phát triển các nền tảng, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ xúc tiến thương mại, kết nối với Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

## **IV. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

## V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước (Trung ương, địa phương) và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**1. Ngân sách nhà nước:** Ngân sách nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ cụ thể được đính kèm tại Phụ lục của Kế hoạch này.

**2. Nguồn vốn xã hội hóa:** được kêu gọi để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ cụ thể đính kèm tại phụ lục của Kế hoạch này.

### 3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch

a) Lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, khuyến nông, khuyến công và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

c) Các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào các nhiệm vụ cụ thể được giao trong Kế hoạch, căn cứ quy định hiện hành xây dựng dự toán kinh phí thực hiện và gửi sở tài chính thẩm định (*trước tháng 10 hàng năm*) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Công Thương

a) Chủ trì thực hiện kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp cùng với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Công Thương, các Sở ngành liên quan, các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

b) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

c) Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan khi gặp khó khăn, vướng mắc cần đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và hướng dẫn của Trung ương.

### 2. Sở Tài chính

a) Hằng năm, trên cơ sở dự toán các đơn vị xây dựng để thực hiện các nội dung trong Kế hoạch, Sở Tài chính chịu trách nhiệm rà soát, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung Kế hoạch.

### 3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Công Thương trong việc hỗ trợ các Sở, ngành, doanh nghiệp ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại.

b) Đào tạo các kỹ năng và tư vấn cho doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại; triển khai chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu.

c) Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi trên địa bàn tỉnh.

d) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng đảm bảo chất lượng phục vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xây dựng và đẩy mạnh các biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các sở, ban ngành, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

e) Phối hợp với Công an tỉnh thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

#### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì tổng hợp, lồng ghép, cân đối vốn, tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm để thực hiện các nội dung liên quan của Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

#### **5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì xây dựng, phát triển các chuỗi cung ứng nông sản an toàn, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, chất lượng vật tư đầu vào của các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, khai thác đến cơ sở sơ chế, giết mổ, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông sản và truy xuất được nguồn gốc, xuất xứ...

b) Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động hỗ trợ XTMM, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản, phát triển các chuỗi cung ứng nông sản an toàn; tăng cường công tác quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản.

c) Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **6. Các Sở, Ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Căn cứ nội dung Kế hoạch, phối hợp thực hiện Kế hoạch trong phạm vi, quyền hạn được giao. Triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn. Báo cáo gửi về Sở Công Thương trước ngày 22/12 hằng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương.

#### **7. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh**

a) Tích cực tham gia, cộng tác với các chương trình, dự án của các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại.

b) Phối hợp với các sở ngành có liên quan tham gia thực hiện Kế hoạch sau khi được phê duyệt.

c) Các doanh nghiệp công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh hưởng ứng và tham gia tích cực, có trách nhiệm trong việc xây dựng hệ sinh thái xúc tiến thương mại của tỉnh.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Công Thương (để b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hội nông dân tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã;
- Các Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX, TH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Quang Bửu**

